

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG -
BỘ TƯ PHÁP - BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TTLT-VKSNDTC-
TANDTC-BCA-BQP-BTP-BNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự và
việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong xử lý yêu cầu
của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm hình sự**

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp về hình sự số 103/2025/QH15;

*Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số
99/2025/QH15, Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số
106/2025/QH15 và Luật số 128/2025/QH15;*

*Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân
tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp,
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết
một số điều của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự và việc phối hợp giữa các cơ
quan có thẩm quyền trong xử lý yêu cầu của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm
hình sự.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định chi tiết Điều 14, khoản 3 Điều 18, Điều 25, Điều 26, khoản 1 Điều 31, Điều 33, Điều 37 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự số 103/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Tương trợ tư pháp về hình sự) và việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong xử lý yêu cầu của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

1. Viện kiểm sát.
2. Cơ quan điều tra.
3. Tòa án.
4. Cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự.
5. Người có thẩm quyền của các cơ quan quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4

Điều này.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Hiến pháp, Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan; các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan có liên quan trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm việc áp dụng trình tự, thủ tục tố tụng trong giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự, thi hành án khi đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự; phối hợp giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài kịp thời, chặt chẽ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xem xét yêu cầu của nước ngoài liên quan đến hình phạt tử hình

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nước ngoài đề nghị Việt Nam đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển yêu cầu đó cho cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự để đánh giá sự cần thiết của việc tiếp tục yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự và cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự xử lý như sau:

a) Nếu thấy cần thiết phải tiếp tục yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự, cơ quan lập yêu cầu có văn bản đánh giá sự cần thiết và cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều này kèm theo các tài liệu có liên quan, gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Nếu thấy không còn cần thiết tiếp tục yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự, cơ quan lập yêu cầu có văn bản thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự không còn cần thiết để kết thúc tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.

3. Cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đánh giá cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Người có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành án tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp này, cơ quan lập yêu cầu phối hợp với cơ quan y tế và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác định độ tuổi, tình trạng sức khỏe, tình trạng thai sản, tình trạng nuôi con nhỏ, tình trạng khắc phục hậu quả vụ án và các thông tin khác của người có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự để xác định bằng văn bản;

b) Người có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thuộc trường hợp có thể bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc có thể bị thi hành án tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4. Khi người có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao,

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chủ tịch nước, Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án và các cơ quan khác có liên quan về cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, ngành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài, gửi về Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thống nhất bằng văn bản của các Bộ, ngành, cơ quan được lấy ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình gửi cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc chuyển cho Bộ Ngoại giao trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định chuyển hồ sơ qua kênh ngoại giao, đồng thời thông báo cho cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự biết.

Trường hợp ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan được lấy ý kiến không thống nhất về việc xác định người có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành án tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao lập hồ sơ, trình Chủ tịch nước xem xét, cho ý kiến về việc đưa ra thông báo không thi hành án tử hình theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này.

5. Khi người có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Văn phòng Chủ tịch nước, Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết

vụ việc, vụ án và các cơ quan khác có liên quan về cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, ngành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài, gửi về Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, cơ quan được lấy ý kiến, Viện kiểm sát nhân dân tối cao lập hồ sơ, trình Chủ tịch nước xem xét, cho ý kiến về việc đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài;

d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Chủ tịch nước, căn cứ vào kết quả xin ý kiến, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đưa ra thông báo không thi hành án tử hình đối với người có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự hoặc có văn bản trả lời cho nước ngoài. Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi các thông báo, văn bản này cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc chuyển cho Bộ Ngoại giao trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định chuyển hồ sơ qua kênh ngoại giao, đồng thời thông báo cho cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự biết.

6. Hồ sơ trình Chủ tịch nước xem xét, cho ý kiến về việc đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình theo yêu cầu của nước ngoài bao gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình của Viện kiểm sát nhân dân tối cao nêu rõ nội dung vụ việc; nội dung đề nghị của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; căn cứ pháp lý; đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Tổng hợp ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chủ tịch nước, Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án và các cơ quan khác có liên quan kèm theo văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan;

c) Các tài liệu có liên quan của cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự;

d) Văn bản yêu cầu của nước ngoài.

Điều 5. Yêu cầu nước ngoài cam kết liên quan đến hình phạt tử hình

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tương trợ của nước ngoài, xét thấy yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài liên quan đến tội phạm theo pháp luật của nước yêu cầu có khung hình phạt cao nhất là tử hình mà pháp luật hình sự Việt Nam không quy định hình phạt tử hình đối với tội phạm tương ứng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản yêu cầu nước ngoài cam kết về việc không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành án tử hình.

Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu cho nước ngoài mà không nhận được văn bản cam kết của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lại yêu cầu cho nước ngoài.

2. Sau khi nhận được văn bản cam kết liên quan đến hình phạt tử hình của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển yêu cầu cho cơ quan thực hiện yêu cầu để thực hiện.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao theo dõi, xử lý việc thực hiện cam kết liên quan đến hình phạt tử hình của nước ngoài.

Điều 6. Phối hợp trong thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

1. Viện kiểm sát các cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo thẩm quyền và phối hợp với cơ quan lập yêu cầu xác định tính cần thiết của các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi ra nước ngoài; đề nghị cơ quan lập yêu cầu bổ sung các nội dung yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự, thi hành án.

2. Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự là Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết vụ việc, vụ án hoặc Viện kiểm sát nơi cơ quan thực hiện yêu cầu đang xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài.

3. Khi thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 21, khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 23 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, cơ quan lập yêu cầu đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án.

4. Khi thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án.

5. Khi thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại khoản 1 Điều 29, khoản 2 và khoản 3 Điều 31, khoản 2 và khoản 4 Điều 33, khoản 3 Điều 38, khoản 2 Điều 39 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, cơ quan thực hiện yêu cầu đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nơi cơ quan thực hiện yêu cầu đang xử lý yêu cầu tương trợ của nước ngoài.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đề nghị Việt Nam cho phép người có thẩm quyền nêu trong yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu ở Việt Nam, cơ quan thực hiện yêu cầu thông báo cho Viện kiểm sát nơi cơ quan thực hiện yêu cầu đang xử lý yêu cầu tương trợ của nước ngoài.

Điều 7. Kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Cơ quan lập yêu cầu đã nhận được đầy đủ kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, gồm toàn bộ thông tin, tài liệu theo các nội dung yêu cầu tương trợ nêu tại văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam gửi cho nước ngoài.

2. Cơ quan lập yêu cầu phối hợp với Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án và các cơ quan khác có liên quan thống nhất xác định về việc không cần thiết phải tiếp tục yêu cầu tương trợ để có văn bản gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự không còn cần thiết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan lập yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản thông báo về việc kết thúc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc chuyển cho Bộ Ngoại giao trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài không

cùng là thành viên của điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định chuyển hồ sơ qua kênh ngoại giao.

3. Hết thời hạn 02 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành văn bản chuyển yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, trong trường hợp cần thiết, cơ quan lập yêu cầu có văn bản yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thông báo tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự. Việc đề nghị thông báo tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự những lần tiếp theo có thể được thực hiện 02 tháng một lần.

4. Trường hợp không nhận được phản hồi của phía nước ngoài, nếu cơ quan lập yêu cầu có thể tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án hình sự, thi hành án thì cơ quan lập yêu cầu có văn bản phối hợp với Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án và các cơ quan khác có liên quan thống nhất kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự. Tùy từng trường hợp, việc xác định thời hạn xem xét thống nhất kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cơ quan lập yêu cầu là Tòa án đề nghị nước ngoài hỗ trợ tổng đạt bản án, bản sao bản án hoặc trích lục bản án thì thời hạn xem xét thống nhất kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự là 03 tháng kể từ ngày Tòa án nhận được văn bản gần nhất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo về tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự;

b) Trường hợp cơ quan lập yêu cầu là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan khác theo quy định của pháp luật thì thời hạn xem xét thống nhất kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự là 06 tháng kể từ ngày các cơ quan lập yêu cầu nhận được văn bản gần nhất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo về tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

Sau khi nhận được văn bản thống nhất kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án và các cơ quan khác có liên quan theo quy định tại khoản này, cơ quan

lập yêu cầu có văn bản gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tiếp tục xem xét, thống nhất kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự. Trường hợp thống nhất kết thúc yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản thông báo về việc kết thúc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc chuyển cho Bộ Ngoại giao trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định chuyển hồ sơ qua kênh ngoại giao, đồng thời gửi cho cơ quan lập yêu cầu để biết. Trường hợp chưa thống nhất kết thúc yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản thông báo cho cơ quan lập yêu cầu.

5. Trường hợp kết thúc việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự mà cơ quan lập yêu cầu tiếp tục phát sinh nhu cầu đề nghị nước ngoài thực hiện các nội dung tương trợ khác đối với cùng vụ việc, vụ án hình sự, thi hành án thì cơ quan lập yêu cầu có thể tiếp tục lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nhiều lần. Trình tự, thủ tục thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp các lần tiếp theo được thực hiện như lần thứ nhất.

Điều 8. Yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Cơ quan lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài nhưng không dẫn độ được, hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ cho nước ngoài kèm bảng thống kê tài liệu, vật chứng trong hồ sơ;

b) Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự được lập theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định biểu mẫu văn bản nghiệp vụ thực hiện trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Trường hợp phía nước ngoài đề nghị lập văn bản yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự theo mẫu do phía nước ngoài ban hành thì lập văn bản theo mẫu đó;

c) Tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của người phạm tội;

d) Tài liệu thể hiện người phạm tội đang có mặt tại nước được yêu cầu hoặc tài liệu thể hiện quốc tịch của người phạm tội trong trường hợp đề nghị nước người phạm tội mang quốc tịch truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Tài liệu thể hiện việc không dẫn độ được người phạm tội về Việt Nam để truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Các tài liệu, vật chứng có liên quan.

2. Việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự được thực hiện như sau:

a) Cơ quan lập yêu cầu chuyển giao trực tiếp hồ sơ, vật chứng đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định chuyển hồ sơ qua kênh ngoại giao thì sau khi nhận hồ sơ, vật chứng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển giao trực tiếp cho Bộ Ngoại giao;

b) Việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao và nước ngoài hoặc giữa Bộ Ngoại giao và nước ngoài có thể thực hiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;

c) Trường hợp chuyển giao trực tiếp hồ sơ, vật chứng, việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, thể hiện đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ, danh mục và tình trạng vật chứng được chuyển giao, có chữ ký của bên giao và bên nhận. Trường hợp chuyển giao qua đường bưu điện, cơ quan thực hiện việc chuyển giao phải niêm phong hồ sơ, vật chứng trước khi gửi và lưu biên nhận của bưu điện.

3. Việc tiếp nhận, bảo quản vật chứng giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam được thực hiện như sau:

a) Trường hợp vật chứng kèm theo hồ sơ thì khi chuyển giao hồ sơ, cơ quan lập yêu cầu có trách nhiệm phải chuyển giao cả vật chứng kèm theo. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm bảo quản vật chứng kèm theo trong thời gian quản lý hồ sơ;

b) Trường hợp vật chứng đang được bảo quản tại kho vật chứng thì cơ quan lập yêu cầu phải chụp ảnh hoặc ghi hình kèm theo mô tả vật chứng để đưa vào hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan bảo quản vật chứng biết. Cơ quan đang bảo quản vật chứng có trách nhiệm tiếp tục bảo quản vật chứng cho đến khi có lệnh xuất kho vật chứng của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi có quyết định xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

4. Việc giao nhận, bảo quản vật chứng giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Nếu vật chứng cần chuyển giao cho nước ngoài kèm theo hồ sơ thì khi chuyển giao hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Bộ Ngoại giao chuyển giao cả vật chứng đó cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

b) Nếu vật chứng cần chuyển giao được bảo quản tại kho vật chứng thì xử lý như sau:

Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày chuyển giao cho nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập yêu cầu biết về thời gian, địa điểm chuyển giao. Cơ quan lập yêu cầu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan bảo quản vật chứng thực hiện việc xuất và vận chuyển vật chứng theo đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trường hợp Bộ Ngoại giao thực hiện việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng thì Bộ Ngoại giao phải thống nhất về việc chuyển giao với nước ngoài trong thời hạn chậm nhất là 07 ngày trước ngày thực hiện chuyển giao. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi thống nhất về việc chuyển giao với nước ngoài, Bộ Ngoại giao thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết và phối hợp thực hiện việc chuyển giao.

Khi chuyển giao vật chứng cho nước ngoài có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan lập yêu cầu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

5. Trường hợp vụ án có đồng phạm đang bị điều tra, truy tố hoặc xét xử tại Việt Nam thì căn cứ vào việc quyết định yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, cơ quan lập yêu cầu tách hoặc trích lập riêng hồ sơ vụ án đối với người đó trước khi lập hồ sơ gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

6. Các trường hợp không dẫn độ được theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự gồm:

a) Người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp từ chối dẫn độ theo quy định của điều ước quốc tế về dẫn độ giữa Việt Nam và nước ngoài đang có hiệu lực;

- b) Người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp từ chối dẫn độ theo quy định của pháp luật nước ngoài;
- c) Nước ngoài có văn bản từ chối dẫn độ;
- d) Các trường hợp không thể dẫn độ được vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Điều 9. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan khác có liên quan trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện nội dung yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và chuyển yêu cầu tố tụng đạt bản án, bản sao bản án hoặc trích lục bản án của nước ngoài cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

2. Khi nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài, cơ quan thực hiện yêu cầu thực hiện như sau:

a) Tiếp nhận để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự trong trường hợp vụ việc, vụ án hình sự, thi hành án thuộc thẩm quyền giải quyết; trả lại hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong trường hợp vụ việc, vụ án hình sự, thi hành án không thuộc thẩm quyền giải quyết;

b) Nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, trong đó xác định rõ đối tượng, thời gian, địa điểm và các biện pháp nghiệp vụ cần áp dụng;

c) Gửi kết quả thực hiện cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đề nghị Việt Nam thông báo tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản đề nghị cơ quan thực hiện yêu cầu thông báo tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ của nước ngoài và gửi về Viện kiểm sát nhân dân tối cao để trả lời nước ngoài.

Điều 10. Thực hiện yêu cầu của nước ngoài về lấy lời khai trực tuyến

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm yêu cầu nước ngoài cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm tiến hành lấy lời khai trực tuyến; việc sắp xếp

phương tiện kỹ thuật, phiên dịch tại phiên lấy lời khai trực tuyến; các khoản chi phí cho người được lấy lời khai bao gồm chi phí ăn ở, đi lại, thù lao làm việc và các chi phí khác, nếu có; thành phần tham gia lấy lời khai tại điểm cầu của nước ngoài; danh sách câu hỏi dự kiến cần lấy lời khai trực tuyến và các thông tin cần thiết khác.

2. Địa điểm tổ chức lấy lời khai trực tuyến do Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét quyết định, có thể là trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam hoặc địa điểm khác phù hợp.

3. Trường hợp nước ngoài đề nghị lấy lời khai trực tuyến người nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam thì cơ quan thực hiện yêu cầu lấy ý kiến của người nước ngoài đó về việc họ đồng ý hay không đồng ý tham gia phiên lấy lời khai trực tuyến. Viện kiểm sát nhân dân tối cao bố trí người phiên dịch trong quá trình lấy ý kiến của người nước ngoài đó.

4. Trước khi tổ chức thực hiện việc lấy lời khai trực tuyến, cơ quan thực hiện yêu cầu có trách nhiệm thông báo thời gian, địa điểm tổ chức lấy lời khai, triệu tập người cung cấp lời khai tham gia phiên lấy lời khai trực tuyến theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cơ quan thực hiện yêu cầu thông báo trước cho người cung cấp lời khai các quyền của người này, bao gồm quyền từ chối trả lời câu hỏi theo quy định của pháp luật nước ngoài và pháp luật Việt Nam.

Người đồng ý cung cấp lời khai trực tuyến không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lời khai của họ, trừ khi hành vi khai báo gian dối của họ cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam.

5. Phiên lấy lời khai trực tuyến được tổ chức như sau:

a) Tại điểm cầu ở Việt Nam có sự tham gia của người cung cấp lời khai, người phiên dịch, nếu có, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan thực hiện yêu cầu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

b) Tại phần khai mạc phiên lấy lời khai, đại diện cơ quan thực hiện yêu cầu giới thiệu thành phần tham gia của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; đề nghị người cung cấp lời khai xác nhận lại danh tính, khẳng định việc đã được thông báo trước về quyền của họ, bao gồm quyền từ chối trả lời câu hỏi cụ thể theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước yêu cầu;

c) Phiên lấy lời khai trực tuyến do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài điều hành trực tiếp theo pháp luật của nước đó. Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trực tiếp yêu cầu người cung cấp lời khai trả lời lần lượt các câu hỏi đã được gửi trước đó;

d) Trường hợp cơ quan thực hiện yêu cầu của Việt Nam có mặt tại phiên lấy lời khai xác định thấy câu hỏi đó vi phạm pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế hoặc không phù hợp, không liên quan đến nội dung yêu cầu tương trợ tư pháp thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài điều chỉnh lại câu hỏi hoặc không cho phép đặt câu hỏi đó và giải thích rõ lý do;

đ) Cơ quan thực hiện yêu cầu có trách nhiệm lập biên bản ghi chép phiên lấy lời khai trực tuyến. Biên bản ghi chép ghi rõ địa điểm, thời gian tiến hành phiên lấy lời khai trực tuyến, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc, những người có mặt tại điểm cầu ở Việt Nam và các nội dung chính của phiên lấy lời khai trực tuyến, các điều kiện kỹ thuật đã thực hiện tại phiên lấy lời khai và được những người có mặt trong phiên lấy lời khai trực tuyến tại điểm cầu ở Việt Nam ký sau khi kết thúc;

e) Phiên lấy lời khai trực tuyến có thể được ghi âm, ghi hình có âm thanh, được lưu trữ, bảo quản, bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Thực hiện yêu cầu chuyển giao tạm thời người đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ

1. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tạm thời người đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ được thực hiện như sau:

a) Việc quyết định chuyển giao tạm thời người đang bị tạm giam tại Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự do Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định trong quá trình điều tra; do Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định trong quá trình truy tố; do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án

quyết định trong quá trình chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử;

b) Việc quyết định chuyển giao tạm thời người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự do Tòa án có thẩm quyền nơi người đó chấp hành án phạt tù quyết định.

2. Khi tiếp nhận văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự kèm theo văn bản cam kết theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự của cơ quan yêu cầu chuyển giao, cơ quan thực hiện yêu cầu tiến hành các hoạt động sau:

a) Trước khi quyết định chuyển giao tạm thời, cơ quan thực hiện yêu cầu phối hợp với cơ sở giam giữ tiến hành lấy ý kiến về việc chuyển giao tạm thời của người đang bị tạm giam hoặc người đang chấp hành án phạt tù.

Trong quá trình lấy ý kiến, cơ quan thực hiện yêu cầu có trách nhiệm giải thích rõ cho người được chuyển giao về mục đích của việc chuyển giao; thời hạn chuyển giao và thời gian dự kiến lưu lại ở nước ngoài; quyền và nghĩa vụ của người được chuyển giao trong thời gian có mặt tại nước ngoài; thời gian bị áp giải và lưu lại ở nước ngoài được tính vào thời hạn tạm giam hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù; các biện pháp bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại theo cam kết của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Việc giải thích và lấy ý kiến được lập thành biên bản trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm làm việc; nội dung đã được giải thích; ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý về việc chuyển giao tạm thời, có chữ ký hoặc điểm chỉ xác nhận của người được chuyển giao. Trường hợp người được chuyển giao tạm thời không đồng ý thì ghi rõ lý do và chấm dứt việc xem xét chuyển giao tạm thời;

b) Lấy ý kiến thống nhất của các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam, trừ trường hợp do Hội đồng xét xử quyết định;

c) Sau khi có quyết định chuyển giao của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam hoặc cơ quan quản lý thi hành án hình sự ra lệnh trích xuất và thực hiện việc trích xuất theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ,

tạm giam, thi hành án hình sự. Lệnh trích xuất phải ghi rõ mục đích “Chuyển giao tạm thời theo yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự”;

d) Căn cứ lệnh trích xuất của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam hoặc cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ sở giam giữ hoặc cơ quan quản lý thi hành án hình sự có trách nhiệm kiểm tra, bàn giao người đang bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù cho cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải. Cơ quan, người có nhiệm vụ áp giải phối hợp với cơ quan thực hiện yêu cầu và Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện việc áp giải người đang bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù đến địa điểm đã thỏa thuận để bàn giao người được trích xuất cho người có thẩm quyền của nước ngoài. Cơ quan thực hiện yêu cầu có trách nhiệm thông báo cho thân nhân của người đang bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù biết việc chuyển giao tạm thời người đó.

3. Việc giao người cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải được lập thành biên bản giao nhận. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Biên bản giao nhận gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin cá nhân, tình trạng sức khỏe của người được chuyển giao tạm thời tại thời điểm giao người;

b) Các đồ vật, tài liệu cá nhân mang theo, nếu có;

c) Thời điểm bắt đầu tính thời hạn chuyển giao tạm thời;

d) Chữ ký của đại diện bên giao, đại diện bên nhận và người được chuyển giao.

4. Việc theo dõi, quản lý người được chuyển giao trong thời gian chuyển giao tạm thời được thực hiện như sau:

a) Trong thời gian người được chuyển giao tạm thời lưu lại ở nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Ngoại giao theo dõi việc thực hiện cam kết của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và tiếp nhận, xử lý thông tin liên quan đến tình trạng pháp lý, sức khỏe và thời hạn chuyển giao của người được chuyển giao.

Trường hợp phát sinh vấn đề ảnh hưởng đến an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp của người được chuyển giao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao kịp thời phối hợp

với các cơ quan có liên quan để yêu cầu phía nước ngoài thực hiện đúng cam kết hoặc có biện pháp xử lý phù hợp;

b) Ngay sau khi nhận được thông báo về quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, đặc xá, đại xá cho người đang chấp hành án phạt tù đã được chuyển giao tạm thời, cơ sở giam giữ thông báo cho cơ quan thực hiện yêu cầu để cơ quan thực hiện yêu cầu phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc chuyển cho Bộ Ngoại giao trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định chuyển hồ sơ qua kênh ngoại giao để thông báo cho phía nước ngoài.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Ngoại giao theo dõi việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài bảo đảm quyền cho người đã có quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, đặc xá, đại xá.

5. Việc trích xuất người bị kết án đang chấp hành án phạt tù tại các trại giam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ phải bảo đảm không làm gián đoạn việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, đặc xá, đại xá nếu người đó đủ điều kiện trong thời gian ở nước ngoài.

6. Trường hợp người được chuyển giao tạm thời vẫn còn thời hạn tạm giam hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù, khi hết thời hạn chuyển giao hoặc khi hoàn thành mục đích tương trợ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với cơ quan thực hiện yêu cầu và các cơ quan có thẩm quyền đã tham gia thực hiện việc chuyển giao để tiếp nhận lại người đó và đưa về cơ sở giam giữ.

7. Việc quyết định chuyển giao tạm thời người đang bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ phải được ghi rõ trong kết luận điều tra, cáo trạng và bản án, quyết định của Tòa án, hồ sơ thi hành án.

Điều 12. Xử lý yêu cầu của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Khi nhận được hồ sơ yêu cầu của nước ngoài về việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài đang có mặt

tại Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Khi nhận được hồ sơ yêu cầu của nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này do Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến, cơ quan thực hiện yêu cầu tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài theo trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cơ quan ban hành quyết định phải gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16 tháng 8 năm 2013 giữa Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân tối cao lập hoặc tiếp nhận trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định của Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao để xem xét quyết định./

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Văn Tuyền

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Quang Dũng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO
THỦ TRƯỞNG**



Lê Thị Thu Hằng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỦ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Oanh

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tư pháp, Ngoại giao;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tư pháp, Ngoại giao;
- Lưu: VT (VKSNDTC, TANDTC, BCA, BQP, BTP, BNG).